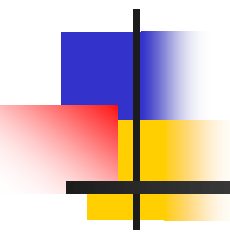
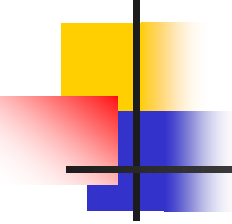


Ch- ơng IV

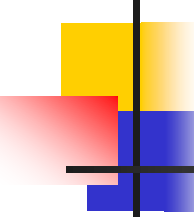


PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ



Mục tiêu chương

- Nội dung, vị trí và ý nghĩa của PPTG trong hệ thống các PPKT.
- Các nguyên tắc chung khi tính giá và PPTG một số đối tượng kế toán thường gặp.



Nội dung

- Khái niệm và ý nghĩa
- Yêu cầu và nguyên tắc tính giá.
- Nội dung và trình tự tính giá chung
- Nội dung và trình tự tính giá một số đối tượng chủ yếu trong DNTM :

Trình giá tài sản mua vào

Tài sản cố định

Hàng hoá

Chứng khoán

Trình giá tài sản xuất bán

Hàng hoá

Chứng khoán



Khái niệm của PPTG

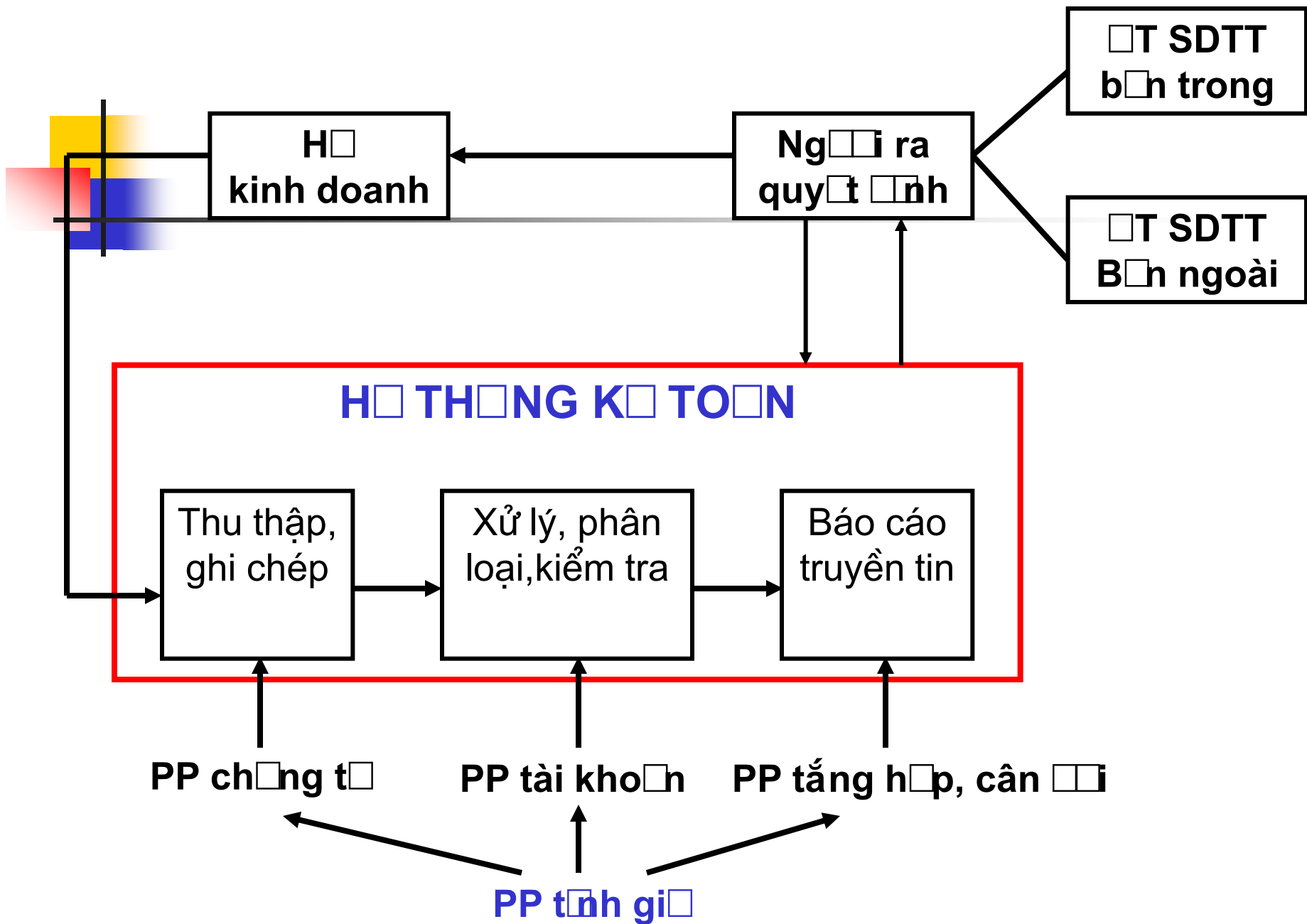
- Sự cần thiết phải tính giá các ĐTKT :
 - Tính đa dạng về hình thái vật chất của Vốn
 - Yêu cầu theo dõi tổng hợp tình hình tài sản, KQKD
 - ⇒ Sự cần thiết phải đo lường các ĐTKT bằng một thước đo duy nhất □ Thước đo tiền tệ.
 - ⇒ Để biểu hiện hình thái giá trị của các ĐTKT khác nhau, kế toán sử dụng PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

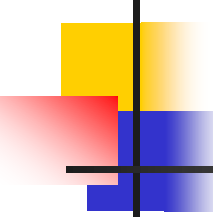


Khái niệm của PPTG

Khái niệm : là PPKT biểu hiện giá trị các ĐTKT bằng tiền, phù hợp với các nguyên tắc cũng như quy định cụ thể do Nhà nước ban hành.

Thực chất, là việc xác định giá trị ghi sổ của tài sản và các ĐTKT khác.





a. Yêu cầu của tính giá

- Chính xác: Đánh giá chính xác giá trị của ĐTKT
 - Phù hợp với giá cả thị trường
 - Phù hợp với số lượng và chất lượng của ĐTKT.
- Thống nhất: nhằm đảm bảo tính so sánh được của thông tin kế toán.
 - Thống nhất về phương pháp tính qua các thời kỳ
 - Thống nhất về phương pháp tính giữa các DN.



b. Nguyên tắc tính giá

b.1 Nguyên tắc giá gốc :

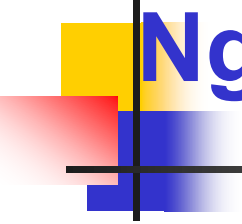
Giá trị ghi sổ của tài sản sẽ đ- ợc xác định trên cơ sở chi phí thực tế và hợp lệ bỏ ra để thu mua, sản xuất tài sản đó.



Nguyên tắc tính giá: ví dụ

Một doanh nghiệp SX ô tô chi 200 triệu đồng để mua một chiếc ô tô phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu doanh nghiệp sử dụng nguồn lực của mình để tự chế tạo chiếc ô tô trên, chi phí SX sẽ là 210 triệu. Do DN không thanh toán đúng thời hạn nên phải trả thêm 5 triệu tiền lãi phát sinh trên khoản nợ quá hạn. Sau khi doanh nghiệp mua xong, giá ô tô trên thị trường giảm 10%.

Giá trị ghi sổ của chiếc ô tô này?



Nguyên tắc tính giá

b.2.Xác định giá trị hàng tính giá phù hợp

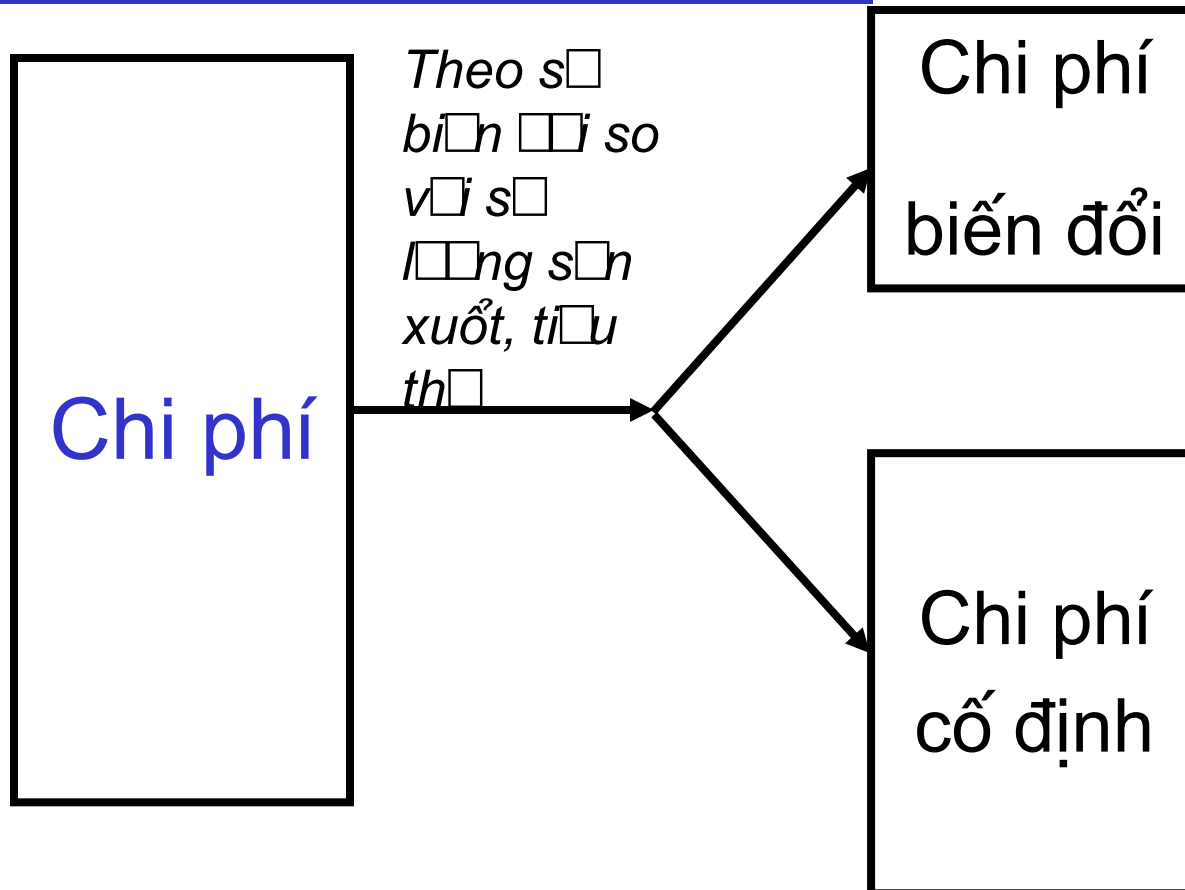
- Phù hợp với đối tượng thu mua, sản xuất, tiêu thụ

Ví dụ: ĐT thu mua là vật tư, nguyên liệu, mặt hàng; ĐT sản xuất là sản phẩm; ĐT tiêu thụ là sản phẩm, hàng hoá

- Tùy đặc điểm vật tư, hàng hoá, sản phẩm, trình độ tổ chức, quản lý, ĐTTG có thể mở rộng hoặc thu hẹp.

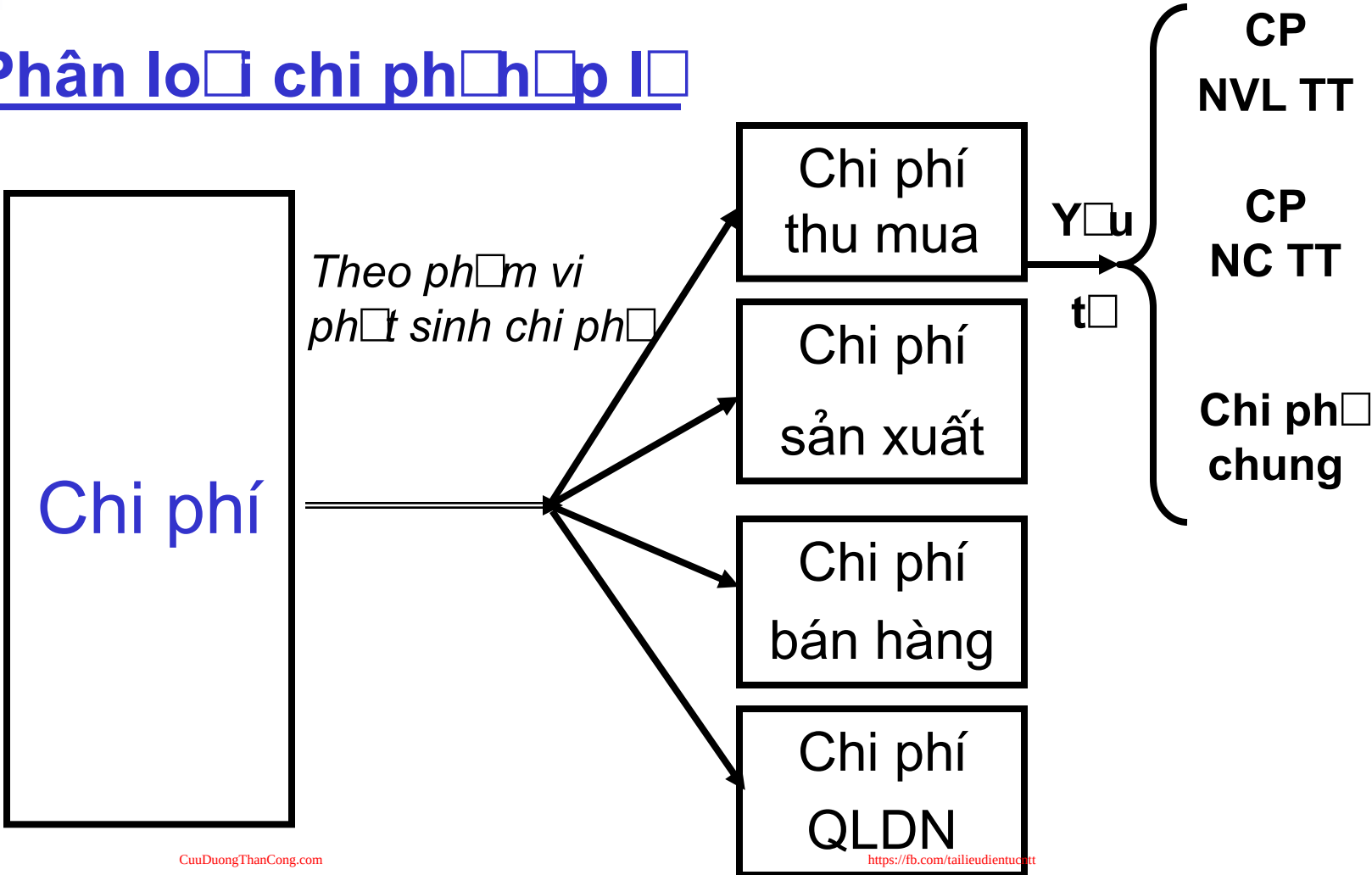
Nguyên tắc tính giá

b.3. Phân loại chi phí hợp lý



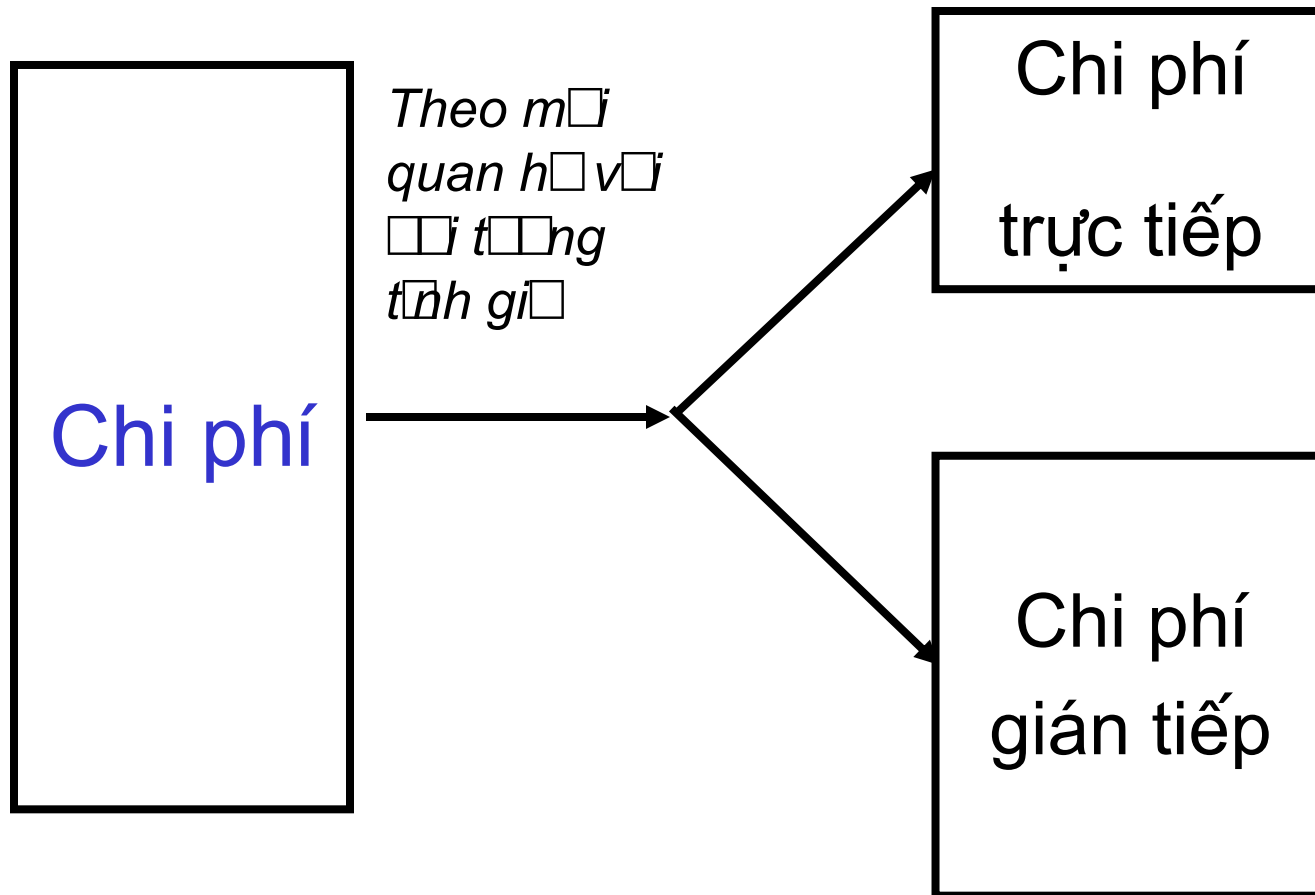
Nguyên tắc tính giá

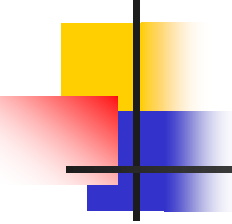
b.3. Phân loại chi phí hợp lý



Nguyên tắc tính giá

b.3. Phân loại chi phí hợp lý





Nguyên tắc tính giá

b.3. Phân loại chi phí

Để phục vụ cho việc tính giá, chi phí được phân loại theo phạm vi (hay lĩnh vực) phát sinh chi phí

(Vẽ quá trình SXKD từ thu mua đến tiêu thụ và chỉ ra lĩnh vực chi phí mà môn học nghiên cứu)



Nguyên tắc tính giá

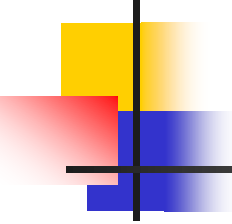
b. 4. Lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí hợp lý

❖ **Vì sao cần phân bổ:**

- Chi phí gián tiếp
- VD: chi phí vận chuyển, bốc dỡ 1 lần cho nhiều mặt hàng, chi phí khấu hao máy móc cho quá trình SX nhiều SP → cần phân bổ để tính đ- ợc chi phí liên quan trực tiếp đến 1 loại hàng hoá.

❖ **Yêu cầu khi lựa chọn tiêu thức phân bổ:**

lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý sao cho sát với mức tiêu hao thực tế nhất.



Phân bổ chi phí gián tiếp

- Công thức phân bổ:

$$\text{Mức pbổ cho 1 dtg} = \frac{\text{Tổng tiêu thức pbổ cho 1 dtg}}{\text{Tổng tt pbổ của tất cả dtg}} \times \text{chi phí cần pbổ}$$

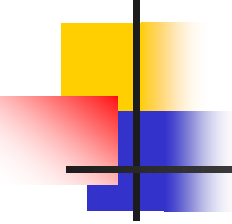
3. Nội dung, trình tự hình thành giá tài sản mua vào

Nguyên tắc ghi giá gốc : Giá trị ghi sổ của TS bao gồm mọi chi phí thực tế và hợp lý phát sinh trong quá trình hình thành TS.

Quá trình hình thành?

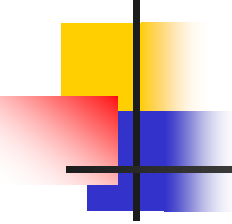
*Quá trình mua/sáng tạo và chuẩn bị đưa tài sản
sẵn sàng vào sử dụng*

Sơ đẳng: sơ đẳng sản xuất, kinh doanh nội bộ TSCĐ, vật tư, nguyên liệu hoặc mua vào thành phẩm, hàng hóa



Trình tự tính giá

1. Xác định giá mua ghi trên hoá đơn ng- ời bán và các khoản giảm giá (trừ chiết khấu do thanh toán sớm)
2. Tập hợp toàn bộ chi phí liên quan đến quá trình mua TS, gồm:
 - ✓ Thuế nhập khẩu
 - ✓ Thuế GTGT (tr- ờng hợp đ- ợc tính vào giá mua)
 - ✓ Chi phí thu mua, vận chuyển, bốc dỡ, môi giới phát sinh cho đến khi TS đ- ợc nhập kho.



Trình tính giá

3. Phân bổ các chi phí phát sinh cho tài sản (nếu cần)
4. Tổng hợp chi phí và tính giá ban đầu của tài sản theo công thức:
 - ✓ Giá trị ghi sổ của TS =
 - ✓ Giá ghi trên hoá đơn
 - ✓ □ Giảm giá hàng mua
 - ✓ _ Chiết khấu thương mại
 - ✓ + chi phí thu mua tài sản.

b. Tính giá tài sản cố định:

Nguyên giá TS CĐ

Giá mua sắm,
xây dựng

Chi phí mua TS
vào sổ dựng

Chi phí sửa chữa
lớn, nâng cấp

- ✚ Giá mua
- ✚ Giá quyết toán
- ✚ Giá cấp phát

- ✚ CP vận chuyển, bốc dỡ
- ✚ CP lắp đặt, chạy thử
- ✚ Phí kho hàng, bến bãi
- ✚ Thuế tr- ớc bạ
- ✚ Phí hoa hồng, môi giới

CP làm tăng lợi ích
thu đ- ợc từ tài sản nh- :
tăng tính năng hoạt
động, kéo dài thời gian
sử dụng

b. Tính giá tài sản cố định:

Nguyên giá TS CĐ

Giá trị CĐ ban đầu của TSCĐ

Hao mòn tài sản cố định
trong quá trình SD

Phương pháp tính hao mòn

- Ph- ơng pháp đ- ờng thẳng: Phân bổ đều giá trị tài sản qua các kỳ sử dụng;
- Khấu hao nhanh: Phân bổ có hệ thống, hao mòn kỳ tr- ớc lớn hơn kỳ sau;
- Khấu hao theo mức độ thực tế sử dụng;

Ngày 15/12/2002, doanh nghiệp A mua một xe ô tô theo giá hoá đơn (ch- a thuế GTGT) là 194tr. đồng để dùng vào hoạt động SXKD chịu thuế GTGT. Chi phí hoa hồng, môi giới là 5 tr. đồng, chi phí nhiên liệu cho quá trình chạy thử là 1tr. đồng. Thời gian sử dụng - ớc tính là 7 năm hay 150.000 km. Doanh nghiệp đ- a ô tô vào sử dụng ngày 1/1/2003. Xác định giá trị ghi sổ của ô tô này vào ngày 1/1/2003, 31/12/2003 theo các ph- ơng pháp tính khấu hao đã nêu ở trên.

c. Tình hình vật tư, hàng hoá mua vào:

Giá nhập kho của vật tư, hàng hoá

Giá mua

Chi phí thu mua

+ Giá hoá đơn
- Giảm giá (trừ chiết khấu thanh toán
+ Thuế nhập khẩu
+ Thuế GTGT (khi được tính vào giá hàng)

+ Chi phí vận chuyển, bốc dỡ
+ Chi phí kho hàng, bến bãi
+ Chi phí bộ phận thu mua
+ Hao hụt trong định mức

d. Tính giá thành khoản mua vào:

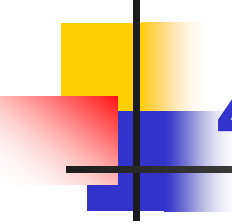
Giá gốc

Giá mua

Chi phí phụ thuộc

Giá thanh toán cho
nhà bán

☐ Hoa hồng
☐ Lệ phí môi giới



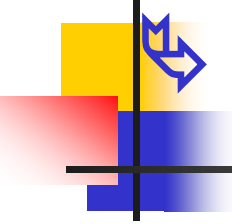
4. TÌNH GIỚI HÀNG HOÁ XUẤT BỐN

■ Số cân thi:

- Xác định chính xác kết quả kinh doanh từng thời kỳ khi mà quá trình l- u chuyển hàng hoá diễn ra liên tục.
- Giá nhập kho của hàng hoá biến động th- ờng xuyên.

■ Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

- Ph- ơng pháp kê khai th- ờng xuyên:
- Ph- ơng pháp kiểm kê định kỳ:



Phương pháp kế toán hàng tồn kho

- **Phương pháp kê khai thường xuyên:** theo dõi thường xuyên, liên tục số lượng và giá trị hàng hoá xuất, nhập kho theo từng NVPS.
- **Phương pháp kiểm kê định kỳ:**
 - * chỉ theo dõi số lượng và giá trị hàng hoá nhập kho theo NVPS,
 - * cuối kỳ tiến hành kiểm kê, xác số lượng và giá trị hàng tồn kho,
 - * xác định giá trị hàng xuất bán trong kỳ.

5. Phương pháp KT hàng tồn kho

■ Phương pháp kê khai thường xuyên

TK 156

SDĐK: Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ	
SPS tăng: Trị giá hàng nhập kho trong kỳ	SPS giảm: Trị giá hàng xuất kho trong kỳ
SDĐK: Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ	

Phương pháp KT hàng tồn kho

■ Phương pháp kiểm kê định kỳ

TK 156

Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ

Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ

Căn cứ vào kết quả kiểm kê

TK 611

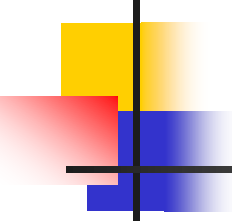
Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ

Trị giá hàng nhập vào trong kỳ

Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ

Trị giá hàng xuất kho trong kỳ

= Tổng trị giá – trị giá hàng kiểm kê CK



PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ HÀNG XUẤT BÁN:

- **Phương pháp thực tế đích danh:** Xác định đích danh lô hàng xuất bán.
- **Phương pháp bình quân gia quyền:** Xác định giá trị bình quân đơn giá hàng trong kho.
- **Phương pháp nhập tr- ớc xuất tr- ớc:** Giả định hàng nhập kho tr- ớc sẽ đ- ợc xuất bán tr- ớc.
- **Phương pháp nhập sau xuất tr- ớc:** Giả định hàng nhập kho sau sẽ đ- ợc xuất bán tr- ớc.

Một doanh nghiệp có các số liệu về biến động hàng hoá trong kỳ nh- sau (đơn vị: ngàn đồng)

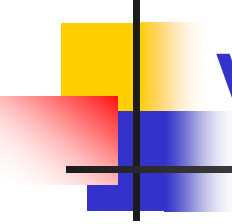
1/1: Tồn kho đầu kỳ: 100 SP, trị giá 10.000/SP

10/1: Nhập 50 SP, trị giá 6.000 /SP

15/1: Nhập 30 SP, trị giá 2.700 /SP

17/1: Xuất 100 SP (50 thuộc tồn kho đầu kỳ, 50 thuộc lần nhập 10/1)

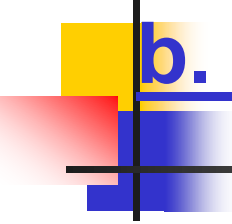
20/1: Nhập 50 SP, trị giá 5.000 / SP



Vấn đề: tiếp theo

Yêu cầu:

- Tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ biết rằng DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính giá vốn hàng xuất bán biết rằng DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, cuối kỳ kiểm kê thấy còn 80 sản phẩm trong kho
- Cho nhận xét về các kết quả thu được.



b. Tính giá thành khoản xuất bán

- Phương pháp tính giá áp dụng các phương pháp giống như tính giá hàng hoá xuất bán.
- Phương pháp tính giá chủ yếu áp dụng hiện nay:
 - Phương pháp thực tế đích danh
 - Phương pháp bình quân gia quyền.